TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**
Số: 48/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 02 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 633/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc: "Ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị Thanh T - sinh năm: 1997

Thường trú: số 67 đường 39, khu phố 5, phường B, Quận 2, Thành phố H

Bị đơn: ông Trần Văn P - sinh năm: 1997

Thường trú: số 47/34 đường 3, khu phố 1, phường T, Quận 2, Thành phố H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị Thanh T - sinh năm: 1997

Thường trú: số 67 đường 39, khu phố 5, phường B, Quận 2, Thành phố H

Bị đơn: ông Trần Văn P - sinh năm: 1997

Thường trú: số 47/34 đường 3, khu phố 1, phường T, Quận 2, Thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Văn P thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Văn P có 01 con chung tên Trần P H (giới tính nam, sinh ngày 11/10/2017). Bà Thanh T và ông Văn P thống nhất giao con chung tên Trần Phúc H cho bà Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng; ông Văn P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) vào ngày 15 dương lịch, việc cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 3 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm non để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3 Về tài sản chung: bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Văn P tự khai không có

2.4 Về nợ chung: bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Văn P tự khai không có.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) do bà Trần Thị Thanh T tự nguyện nộp, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Thanh T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027198 ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 Thành phố H. Bà Thanh T được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) do ông Trần Văn P chịu.

4. Giấy Chứng nhận kết hôn số 101 do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố H cấp ngày 14/11/2017 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.2;
- CCTHADS Q.2;
- UBND p.Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã Ký

Lưu Hải Quỳnh Anh

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ H

Số: /2020/QĐST- SCBSQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Quận 2, ngày 23 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 633/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019

Xét cần sửa chữa Quyết định do lỗi rõ ràng về chính tả đối với tên của nguyên đơn trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân Quận 2 đã ban hành về việc "Ly hôn" giữa:

- ***Nguyên đơn:*** bà Trần Thị Thanh Thủy - sinh năm: 1997

Thường trú: số 67 đường 39, khu phố 5, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố H.

- ***Bị đơn:*** ông Trần Văn P - sinh năm: 1997

Thường trú: số 47/34 đường 3, khu phố 1, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố H.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân Quận 2 như sau:

- Tại dòng thứ 9, thứ 31 từ trên xuống, trang 01 và dòng thứ 4, thứ 6, thứ 24, thứ 26, thứ 29 từ trên xuống, trang 02 của Quyết định đã ghi:"bà Trần Thị Thanh T"

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "bà Trần Thị Thanh Thủy".

- Tại dòng thứ 7, thứ 8, thứ 30, thứ 32 từ trên xuống, trang 02 của Quyết định đã ghi:"bà Thanh T"

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:"bà Thanh Thủy".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.2;
- CCTHADS Q.2;
- UBND p.Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh